

Số: 13/2021/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 07 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) lĩnh vực y tế trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 7/2020/TT-BYT ngày 14/5/2020 của Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế;

Thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An tại Công văn số 230/HĐND-TT ngày 30/6/2021 về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế; bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2099/TTr-STC ngày 11/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) lĩnh vực y tế trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực y tế thuộc Sở Y tế và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư không thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định này.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng và mức giá tối đa

a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng) trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

b) Mức giá quy định tại Quyết định này là mức giá tối đa chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe.

Điều 4. Nguyên tắc trang bị, quản lý, sử dụng

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để: Giao, mua sắm, bố trí xe ô tô; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô chuyên dùng.

2. Việc trang bị xe ô tô chuyên dùng đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ, nhiệm vụ đặc thù của ngành, lĩnh vực để phục vụ công tác theo quy định; trong phạm vi tiêu chuẩn, định mức quy định, chỉ được thực hiện khi có nguồn kinh phí đảm bảo, phù hợp với khả năng của ngân sách.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được trang bị xe ô tô chuyên dùng thực hiện chế độ quản lý và sử dụng xe ô tô theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2021. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- TP KT VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Hòa).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vinh

PHỤ LỤC

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Nghệ An

(Kèm theo Quyết định số: 13/2021/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Đơn vị	Số giường bệnh kế hoạch	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế				Ghi chú
			Số lượng, chủng loại		Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng	
			Số xe tối đa	Chủng loại xe			
I	Ngành Lao động thương binh						
1	Trung tâm Điều dưỡng người có công với cách mạng tỉnh Nghệ An	Dưới 50 giường bệnh	1	Xe ô tô cứu thương (áp dụng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển người có công đi cấp cứu	Tần suất sử dụng 205 lượt/năm
2	Trung tâm điều dưỡng thương binh Nghệ An		1		850	Vận chuyển thương binh, bệnh binh đi cấp cứu	Tần suất sử dụng 130 lượt/năm
3	Khu điều dưỡng thương binh tâm thần kinh Nghệ An		1		850	Vận chuyển thương binh, bệnh binh	Tần suất sử dụng 127 lượt/năm
4	Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Nghệ An		1		850	Vận chuyển học viên diễn biến nặng phải chuyển cấp cứu tuyến trên cũng như phải đưa học viên đi khám định kỳ và làm các xét nghiệm máu (Kháng định HIV, CD4, Lao...) và nhận thuốc về Cơ sở điều trị	Tần suất sử dụng 160 lượt/năm
5	Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số 1 Nghệ An		1		850		
6	Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số 2 Nghệ An		1		850		
7	Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc số 3 Nghệ An		1		850		

TT	Đơn vị	Số giường bệnh kế hoạch	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế				Ghi chú
			Số lượng, chủng loại		Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng	
			Số xe tối đa	Chủng loại xe			
8	Trung tâm công tác xã hội Nghệ An	Dưới 50 giường bệnh	1	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển nhóm đối tượng bị bỏ rơi, lang thang, mất nguồn nuôi dưỡng, người khuyết tật, mồ côi, đối tượng mắc bệnh xã hội, trẻ bị bạo hành, trẻ bị xâm hại tình dục, ... từ trung tâm lên bệnh viện địa phương cũng như đến bệnh viện trung ương khác	Tần suất sử dụng 100 lượt/năm
9	Trung tâm bảo trợ xã hội Nghệ An		1		850	Vận chuyển người già, người khuyết tật, người tâm thần mãn tính, cấp cứu bệnh nhân và chở bệnh nhân thăm khám chữa bệnh tại các bệnh viện tuyến tỉnh	Tần suất sử dụng 300 lượt/năm
II	Ngành y tế						
1	Văn phòng Sở Y tế Nghệ An		1	Xe 07 chỗ phục vụ phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	900	Xe phòng chống thiên tai, dịch bệnh và tìm kiếm cứu nạn	
2	Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa tỉnh Nghệ An	1.700	11	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, trang thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)	3.000	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân nặng	
			1	Xe chuyên dùng phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ trung và cao cấp	1.500	Xe chở bệnh nhân là cán bộ thuộc Ban Bảo vệ sức khỏe tỉnh quản lý	
			1	Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyên giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyến	1.500	Chở cán bộ và y dụng cụ vật tư, hóa chất đi chỉ đạo tuyến và chuyên giao kỹ thuật	

TT	Đơn vị	Số giường bệnh kế hoạch	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế				Ghi chú
			Số lượng, chủng loại		Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng	
			Số xe tối đa	Chủng loại xe			
3	Bệnh Viện sản Nhi Nghệ An	1.020	7	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, trang thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu , hồi sức tích cực trên xe)	3.000	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân nặng	
			1	Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyến	1.500	Chờ cán bộ và y dụng cụ vật tư, hóa chất đi chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật	
4	Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An	500	3	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyến	1.500	Chờ cán bộ và y dụng cụ vật tư, hóa chất đi chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật	
5	Bệnh viện Tâm thần Nghệ An	275	2	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyến	1.500	Chờ cán bộ và y dụng cụ vật tư, hóa chất đi chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật	
6	Bệnh viện phổi Nghệ An	415	2	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, trang thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu , hồi sức tích cực trên xe)	3.000	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân nặng	
			1	Xe chụp X quang lưu động	2.600	Chụp X quang lưu động	
			1	Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyến	1.500	Chờ cán bộ và y dụng cụ vật tư, hóa chất đi chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật	

TT	Đơn vị	Số giường bệnh kế hoạch	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế				Ghi chú
			Số lượng, chủng loại		Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng	
			Số xe tối đa	Chủng loại xe			
7	Bệnh viện phục hồi chức năng Nghệ An	310	1	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyến	1.500	Chờ cán bộ và y dụng cụ vật tư, hóa chất đi chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật	
8	Bệnh viện Nội tiết Nghệ An	250	2	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyến	1.500	Chờ cán bộ và y dụng cụ vật tư, hóa chất đi chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật	
9	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Bắc	450	5	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyến	1.500	Chờ cán bộ và y dụng cụ vật tư, hóa chất đi chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật	
10	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Nam	250	3	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyến	1.500	Chờ cán bộ và y dụng cụ vật tư, hóa chất đi chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật	
11	Bệnh viện Da liễu Nghệ An	50	1	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyến	1.500	Chờ cán bộ và y dụng cụ vật tư, hóa chất đi chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật	
12	Bệnh viện Mắt Nghệ An	75	1	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyến	1.500	Chờ cán bộ và y dụng cụ vật tư, hóa chất đi chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật	

TT	Đơn vị	Số giường bệnh kế hoạch	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế				Ghi chú
			Số lượng, chủng loại		Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng	
			Số xe tối đa	Chủng loại xe			
13	Trung tâm Pháp y tỉnh Nghệ An		1	Xe vận chuyển tử thi	1.500	Vận chuyển tử thi	
			1	Xe giám định Pháp y	700	Vận chuyển vật tư, trang thiết bị và đưa đón y bác sỹ để khám nghiệm, giám định và hội chẩn	
14	Trung tâm huyết học truyền máu tỉnh Nghệ An	90 GB và 50000 đơn vị máu	1	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe lấy máu (có gắn các thiết bị trên xe gồm: Máy lách máu, tủ bảo quản máu, giường nằm cho người hiến máu, thiết bị cấp cứu)	4.500	Dùng để thực hiện quy trình hiến máu lưu động, lấy máu tiếp nhận máu ngay trên xe	
			1	Xe 45 -47 chỗ chở cán bộ và trang thiết bị, hóa chất đi lấy máu	3.500	Chở dụng, hóa chất cụ và cán bộ đi lấy máu	
			1	Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyến	1.500	Chở cán bộ và y dụng cụ vật tư, hóa chất đi chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật	Sử dụng các ngày trong tháng
15	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	1.120	7	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe ô tô cứu thương có kết cấu đặc biệt (xe có kết cấu không gian rộng rãi được trang bị máy móc, trang thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe)	3.000	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân nặng	
			1	Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyến	1.500	Chở cán bộ và y dụng cụ vật tư, hóa chất đi chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật	
			1	Xe 12 chỗ vận chuyển người bệnh	1.500	Chở bệnh nhân từ cơ sở 1 ở đường Tôn Thất Tùng sang cơ sở 2 ở xã Nghi Kim để xạ trị	

TT	Đơn vị	Số giường bệnh kế hoạch	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế				Ghi chú
			Số lượng, chủng loại		Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng	
			Số xe tối đa	Chủng loại xe			
16	Bệnh viện Chấn thương - chính hình Nghệ An	210	2	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyến	1.500	Chờ cán bộ và y dụng cụ vật tư, hóa chất đi chỉ đạo tuyến và chuyển giao kỹ thuật	
17	Trung tâm kiểm nghiệm Dược phẩm mỹ phẩm tỉnh Nghệ An		1	Xe vận chuyển các loại mẫu thuốc lĩnh vực y tế	1.100	Xe phục vụ đi lấy mẫu kiểm nghiệm thuốc, hóa chất, mỹ phẩm...	Sử dụng các ngày trong tháng
18	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An		1	Xe vận chuyển vắc xin sinh phẩm	700	Vận chuyển vắc xin sinh phẩm	
			1	Xe chờ hóa chất, máy phun dập dịch	700	Chờ hóa chất, máy phun dập dịch	
19	Bệnh viện đa khoa thành phố Vinh	500	4	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuốc lĩnh vực y tế	1.100	Xe phục vụ chuyển giao kỹ thuật và vận chuyển các loại mẫu gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm)	
20	Bệnh viện huyện Thanh Chương	305	3	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
21	Bệnh viện huyện Quỳnh Lưu	355	3	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	

02

TT	Đơn vị	Số giường bệnh kế hoạch	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế				Ghi chú
			Số lượng, chủng loại		Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng	
			Số xe tối đa	Chủng loại xe			
22	Bệnh viện huyện Yên Thành	270	3	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
23	Bệnh viện huyện Diễn Châu	345	3	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
24	Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc	350	3	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
25	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	205	2	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe vận chuyển rác thải y tế	1.500	Vận chuyển rác thải	Sử dụng các ngày trong tháng
26	Trung tâm y tế huyện Hưng Nguyên (Sáp nhập Bệnh viện huyện và TTYT)	100	2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	Chỉ áp dụng từ nguồn Dự án, tài trợ, viện trợ
27	Trung tâm y tế huyện Nam Đàn (sáp nhập Bệnh viện huyện và TT YT)	140	2	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	Chỉ áp dụng từ nguồn Dự án, tài trợ, viện trợ

TT	Đơn vị	Số giường bệnh kế hoạch	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế				Ghi chú
			Số lượng, chủng loại		Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng	
			Số xe tối đa	Chủng loại xe			
28	Trung tâm y tế huyện Anh Sơn (Sáp nhập Bệnh viện huyện và TTYT)	190	2	Xe ô tô cứu thương đáp ứng tiêu chuẩn tại TT 27/2017/TTBYT	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	Chỉ áp dụng từ nguồn Dự án, tài trợ, viện trợ
			1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	
29	Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ (sáp nhập Bệnh viện huyện và TT y tế)	175	2	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	Chỉ áp dụng từ nguồn Dự án, tài trợ, viện trợ
			1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	
30	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Đàn	120	2	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	Chỉ áp dụng từ nguồn Dự án, tài trợ, viện trợ
			1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	
31	Trung tâm y tế huyện Quỳnh Hợp (Sáp nhập Bệnh viện và TTYT)	115	2	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	Chỉ áp dụng từ nguồn Dự án, tài trợ, viện trợ
			1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	
32	Trung tâm y tế huyện Quỳnh Châu (sáp nhập với Bệnh viện huyện và TTYT)	95	2	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	Chỉ áp dụng từ nguồn Dự án, tài trợ, viện trợ
			1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	
33	Trung tâm y tế huyện Quế Phong (Sáp nhập với Bệnh viện huyện và TTYT)	110	2	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	Chỉ áp dụng từ nguồn Dự án, tài trợ, viện trợ
			1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	

TT	Đơn vị	Số giường bệnh kế hoạch	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế				Ghi chú
			Số lượng, chủng loại		Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng	
			Số xe tối đa	Chủng loại xe			
34	Trung tâm y tế huyện Tương Dương (sáp nhập Bệnh viện huyện và TTYT)	130	2	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	Chỉ áp dụng từ nguồn Dự án, tài trợ, viện trợ
35	Trung tâm y tế huyện Kỳ Sơn (Sáp nhập Bệnh viện huyện và TTYT)	125	2	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	Chỉ áp dụng từ nguồn Dự án, tài trợ, viện trợ
36	Trung tâm y tế thị xã Cửa Lò (sáp nhập Bệnh viện đa khoa và TT y tế)	110	2	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	Chỉ áp dụng từ nguồn Dự án, tài trợ, viện trợ
37	Trung tâm y tế thị xã Hoàng Mai	80	2	Xe ô tô cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	850	Vận chuyển cấp cứu bệnh nhân	
			1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	
38	Trung tâm y tế Thành phố Vinh		1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	Chỉ áp dụng từ nguồn Dự án, tài trợ, viện trợ
39	Trung tâm Y tế huyện Nghi Lộc		1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	
40	Trung tâm y tế huyện Diễn Châu		1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	
41	Trung tâm y tế huyện Quỳnh Lưu		1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	
42	Trung tâm y tế huyện Yên Thành		1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	Chỉ áp dụng từ nguồn Dự án, tài trợ, viện trợ
43	Trung tâm y tế huyện Đô Lương		1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	

TT	Đơn vị	Số giường bệnh kế hoạch	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế				Ghi chú
			Số lượng, chủng loại		Mức giá tối đa (triệu đồng/xe)	Mục đích sử dụng	
			Số xe tối đa	Chủng loại xe			
44	Trung tâm y tế huyện Thanh Chương		1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	Chi áp dụng từ nguồn Dự án, tài trợ, viện trợ
45	Trung tâm y tế huyện Con cuông		1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	
46	Trung tâm y tế thị xã Thái Hòa		1	Xe bán tải vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	1.400	Vận chuyển vắc xin, sinh phẩm	


